

# KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ THUỐC TRÁNH THAI KHẨN CẤP CỦA NỮ SINH VIÊN ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI NĂM 2019

Đào Anh Sơn, Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Trịnh Khánh Linh,  
Trần Thị Hương Trà và Vũ Thị Nhung ✉

Trường Đại học Y Hà Nội,

*Nghiên cứu nhằm mô tả kiến thức, thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, năm 2019. Nghiên cứu cắt ngang thực hiện trên 587 nữ sinh trong đó 505 (86,0%) sinh viên biết về thuốc tránh thai khẩn cấp. Chỉ có 165 (32,7%) sinh viên có kiến thức đạt và 212 (42%) sinh viên có thái độ tích cực về thuốc tránh thai khẩn cấp. Kết quả hồi quy đa biến cho thấy các sinh viên năm 3, 4 và 5 thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm, học tập với gia đình và đã từng tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản có kiến thức đạt hơn về thuốc tránh thai khẩn cấp ( $p < 0,05$ ). Sinh viên năm 3, 4 thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm, học tập với gia đình và đã từng tham gia khóa học về Sức khỏe sinh sản có thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp tích cực hơn. Kiến thức và thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp của sinh viên ở mức đáng báo động. Cần có thêm các chương trình giáo dục truyền thông sức khỏe sinh sản về thuốc tránh thai khẩn cấp cho nữ sinh trường đại học.*

**Từ khóa:** kiến thức, thái độ, thuốc tránh thai khẩn cấp, nữ sinh viên.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), trên thế giới mỗi năm có trên 6 triệu lượt mang thai ngoài ý muốn ở thanh niên và vị thành niên<sup>1,2</sup>, khoảng 40% trong tổng số 19 triệu ca phá thai không an toàn trên toàn thế giới thực hiện bởi nữ giới độ tuổi 15 - 24 tuổi.<sup>3</sup> Việt Nam là một trong những nước có tỉ lệ nạo phá thai lớn nhất thế giới,<sup>4,5</sup> với xấp xỉ 1,4 triệu lượt phá thai mỗi năm, tỉ lệ phá thai lặp lại lên tới 31,7%, một phần không nhỏ từ nhóm đối tượng giới trẻ, học sinh, sinh viên.<sup>5-7</sup> Thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp duy nhất ngăn ngừa mang thai ngoài mong muốn sau khi quan hệ tình dục không an toàn. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng tỉ lệ có kiến thức đạt về thuốc tránh thai khẩn cấp trong học sinh, sinh viên còn thấp; tại trường Wachamo, Ethiopia là 49,8%;<sup>8</sup> 41,6%

tại Trường Đại học Y Ấn Độ; hay như chỉ 14,4% sinh viên năm nhất tại Trường Y Dược quốc tế Nicosia, Thổ Nhĩ Kỳ có kiến thức đạt.<sup>9,10</sup> Tại Việt Nam, nghiên cứu về vấn đề này còn hạn chế. Nghiên cứu năm 2016 cho thấy tỉ lệ sinh viên đã quan hệ tình dục (QHTD) là 16,2%; trong khi tỉ lệ biết về chỉ định và thời điểm sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp thấp, dao động từ 2% đến 43,7%.<sup>11</sup> Từ đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Kiến thức, thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh viên Đại học tại Hà Nội năm 2019” với 2 mục tiêu:

- Mô tả kiến thức, thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh viên tại 2 Trường Đại học Y Hà Nội và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội tại Hà Nội năm 2019;

- Phân tích một số yếu tố liên quan về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh viên tại 2 trường đại học trên.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Đối tượng

Tác giả liên hệ: Vũ Thị Nhung,

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: vtnhung.yhdp.hmu@gmail.com

Ngày nhận: 14/12/2019

Ngày được chấp nhận: 17/03/2020

Nữ sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội và Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

*Tiêu chuẩn lựa chọn:*

Nữ sinh viên đang theo học chính quy tại 2 trường đại học trên trong thời gian nghiên cứu.

Nữ sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

*Tiêu chuẩn loại trừ:*

Nữ sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

Nữ sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

## 2. Phương pháp nghiên cứu:

*Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

*Thời gian nghiên cứu:* từ 01/12/2018 đến 03/06/2019.

*Địa điểm nghiên cứu:* Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

*Cỡ mẫu và cách chọn mẫu*

Áp dụng công thức để ước tính tỉ lệ trong quần thể với độ chính xác tuyệt đối được chỉ định

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{(1-p)}{p \cdot \varepsilon^2}$$

Trong đó:

$\alpha$ : mức ý nghĩa thống kê (95%)  $z = 1,96$ .

$p = 0,4$ ; tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt về chỉ định Thuốc tránh thai khẩn cấp.<sup>12</sup>

$\varepsilon = 0,15$ .

Cỡ mẫu ước tính 256 sinh viên/trường. Tổng số mẫu thu thập được 587 nữ sinh viên.

Phương pháp lấy mẫu thuận tiện và chọn tất cả các sinh viên tham dự lớp học trong thời gian nghiên cứu. Dựa theo lịch học, chúng tôi chọn thời gian thích hợp để phỏng vấn từng lớp. Sau khi có được sự đồng ý của giáo viên đứng lớp, các điều tra viên chỉ tiến hành điều tra trong các lớp học đang nghỉ hoặc đã nghỉ học.

*Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin*

Sử dụng kỹ thuật phỏng vấn đối tượng trực tiếp sau đó điền vào phiếu theo bộ câu hỏi.

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền khuyết danh dành cho đối tượng sinh viên, có tham khảo một số nghiên cứu về kiến thức, thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp đã được triển khai trước đó.<sup>12,13</sup> Bộ câu hỏi gồm 3 phần chính:

Phần A: Các thông tin chung: tuổi, dân tộc, tôn giáo, năm học, quê quán, học lực trong học kỳ vừa qua, nơi ở hiện tại, tình trạng kinh tế, tình trạng hôn nhân của bố mẹ sinh viên, chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống và học tập với gia đình, tình trạng có người yêu, tình trạng quan hệ tình dục.

Phần B: Kiến thức của sinh viên về sử dụng Thuốc tránh thai khẩn cấp: gồm 6 câu hỏi.

Mỗi câu hỏi trả lời đúng sinh viên được tính 1 điểm. Với câu hỏi 1 lựa chọn, sinh viên trả lời đúng đáp án đó được tính 1 điểm. Với câu hỏi nhiều lựa chọn, sinh viên trả lời đúng > 50% số đáp án, được tính 1 điểm; nếu sinh viên chỉ cần khoanh vào 1 đáp án sai, được tính 0 điểm. Sinh viên có số điểm  $\geq 4$  được đánh giá là có kiến thức đạt, sinh viên có số điểm < 4 được đánh giá là có kiến thức chưa đạt.

Phần C: Thái độ của sinh viên về sử dụng Thuốc tránh thai khẩn cấp: 8 câu hỏi. Mỗi câu hỏi trả lời đúng sinh viên được tính 1 điểm. Sinh viên có số điểm  $\geq 6$  được đánh giá là có thái độ tích cực, sinh viên có số điểm < 6 được đánh giá là có thái độ tiêu cực.

## 3. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 14.

## 4. Đạo đức nghiên cứu:

- Các đối tượng tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- Kết quả và thông tin trong quá trình nghiên cứu được bảo mật.

- Nghiên cứu này chỉ nhằm phục vụ sức khỏe cộng đồng, không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

### III. KẾT QUẢ

Nghiên cứu thực hiện trên 587 sinh viên của 2 Trường Đại học Ngoại Ngữ - ĐHQGHN và Đại học Y Hà Nội cho thấy 505 (86,0%) sinh viên biết về thuốc tránh thai khẩn cấp.

**Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n = 505)**

Đặc điểm	Số sinh viên (n = 505)	Tỉ lệ (%)	Đặc điểm	Số sinh viên (n = 505)	Tỉ lệ (%)
<b>Trường Đại học</b>			<b>Đã từng có người yêu</b>		
Đại học Y Hà Nội	231	45,7%	Chưa từng	255	50,5%
Đại học Quốc Gia	274	54,3%	Đã/đang	250	49,5%
<b>Sinh viên năm</b>			<b>Đã từng được tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản</b>		
Năm 2	86	17,0%	Chưa từng	285	56,4%
Năm 3	200	39,6%	Đã từng	220	43,6%
Năm 4	163	32,3%	<b>Đã từng QHTD</b>		
Năm 5	56	11,1%	Chưa từng	419	83,0%
<b>Chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình</b>			Đã từng	86	17,0%
Không/không thường xuyên	257	50,9%	<b>Độ tuổi khi quan hệ đầu tiên (n = 86)</b>		
Thường xuyên	248	49,1%	Bằng và dưới 20 tuổi	49	57,0%
			Trên 20 tuổi	37	43,0%

Bảng 1 cho thấy, trong 505 đối tượng phỏng vấn, tỉ lệ sinh viên khá đồng đều giữa 2 trường; đa số sinh viên tham gia đang học năm thứ 2 và năm thứ 3. Có tới 17,0% sinh viên từng quan hệ tình dục, trong đó hơn một nửa là bằng và dưới 20 tuổi (Min 17 tuổi; Max 23 tuổi; tuổi trung bình quan hệ lần đầu 20,1±1,94 tuổi).

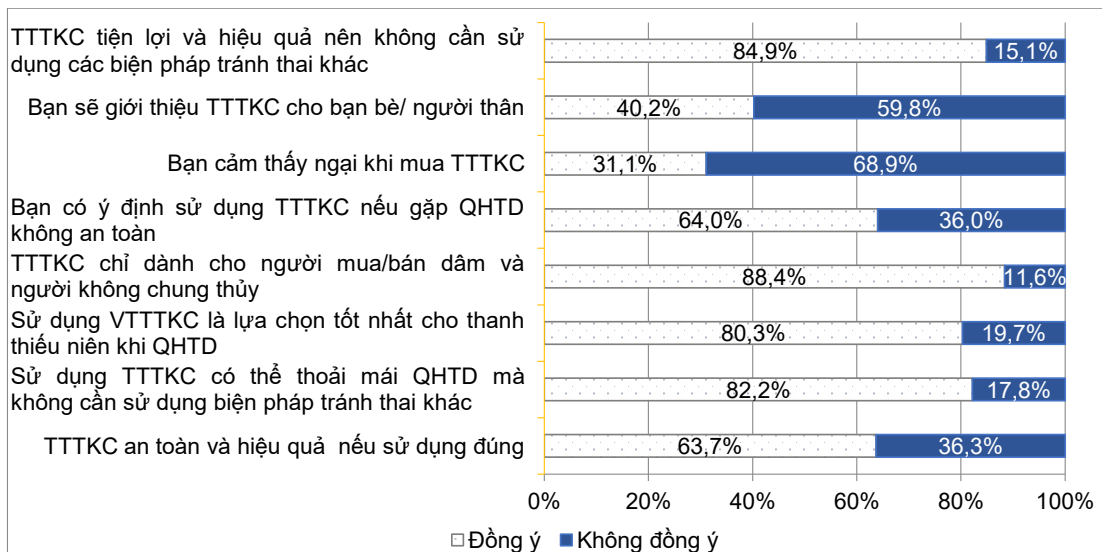
**Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về thuốc tránh thai khẩn cấp**

Đặc điểm	Trường ĐHYHN (n = 231)	Trường ĐHNN - ĐHQG (n = 274)	Chung (n = 505)
Định nghĩa về thuốc tránh thai khẩn cấp	207 (89,6%)	251 (91,6%)	458 (90,6%)
Tình huống sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	136 (58,8%)	152 (55,4%)	288 (57,0%)
*Thời điểm sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	<b>73 (31,6%)</b>	<b>49 (17,8%)</b>	<b>122 (24,1%)</b>
Hiệu quả thuốc tránh thai khẩn cấp khi sử dụng đúng	126 (54,5%)	132 (48,2%)	258 (51,0%)
*Thuốc tránh thai khẩn cấp không có tác dụng phòng lây truyền STDs	<b>219 (94,8%)</b>	<b>204 (74,4%)</b>	<b>423 (83,7%)</b>

Đặc điểm	Trường ĐHYHN (n = 231)	Trường ĐHNN - ĐHQG (n = 274)	Chung (n = 505)
*Thuốc tránh thai khẩn cấp không là hình thức phá thai sớm	152 (65,8%)	156 (56,9%)	308 (60,9%)
*Tác dụng phụ Thuốc tránh thai khẩn cấp	117 (50,6%)	74 (27,0%)	191 (37,8%)
*Sử dụng thường xuyên Thuốc tránh thai khẩn cấp gây tác hại lâu dài cho sức khỏe	202 (87,4%)	213 (77,7%)	415 (82,1%)

\*: Các kiến thức so sánh có ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$

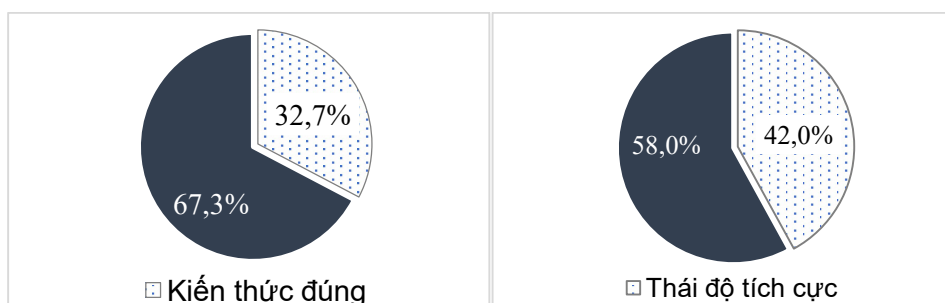
Bảng 2 chỉ ra, ngoài định nghĩa thuốc tránh thai khẩn cấp, kiến thức của nữ sinh về các nội dung liên quan thuốc tránh thai khẩn cấp còn thấp; thấp nhất có thể kể đến thời điểm sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp (24,1%) và tác dụng phụ của thuốc (37,8%). Còn tỉ lệ không nhỏ vẫn nhầm lẫn rằng thuốc tránh thai khẩn cấp có tác dụng phòng lây truyền qua đường tình dục (16,3%) và là hình thức phá thai sớm (39,1%). Có sự khác biệt giữa kiến thức về thuốc tránh thai khẩn cấp của nữ sinh 2 trường đại học ( $p < 0,05$ ).



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên có thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp**

Biểu đồ 1 chỉ ra, hơn 1/3 sinh viên còn ngại khi mua thuốc tránh thai khẩn cấp và 2/3 trong số đó không có ý định sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp nếu gặp QHTD không an toàn. Hơn 80% sinh viên cho rằng thuốc tránh thai khẩn cấp chỉ dành cho người mua/bán dâm và người không chung thủy.

Kiến thức và thái độ của sinh viên về thuốc tránh thai khẩn cấp còn hạn chế, chỉ có 32,7% sinh viên có kiến thức đạt và 42,0% sinh viên có thái độ tích cực (Biểu đồ 2).



**Biểu đồ 2. Tỷ lệ kiến thức, thái độ của sinh viên về TTTC**  
**Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ của sinh viên**

Yếu tố	Kiến thức đạt (n = 165) OR (95%CI)	Thái độ tích cực (n = 212) OR (95%CI)
<b>Năm học</b>		
Năm 2	-	-
Năm 3	<b>1,69 (1,12 - 2,57)*</b>	<b>1,71 (1,17 - 2,49)*</b>
Năm 4	<b>3,89 (2,15 - 7,03)*</b>	<b>2,53 (1,44 - 4,42)*</b>
Năm 5	<b>4,39 (2,12 - 9,11)*</b>	1,96 (0,97 - 3,97)
<b>Chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình</b>		
Không/không thường xuyên	-	-
Thường xuyên	<b>1,55 (1,06 - 2,26)*</b>	<b>1,71 (1,17 - 2,49)*</b>
<b>Đã từng có người yêu</b>		
Đã/đang từng có người yêu	-	-
Chưa từng	0,88 (0,61 - 1,28)	<b>0,65 (0,45 - 0,93)*</b>
<b>Đã từng được tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản</b>		
Chưa từng	-	-
Đã từng	<b>1,81 (1,23 - 2,66)*</b>	<b>1,55 (1,08 - 2,23)*</b>
<b>Đã từng QHTD</b>		
Chưa từng	-	-
Đã từng	0,84 (0,5 - 1,41)	<b>0,47 (0,28 - 0,79)*</b>
<b>Độ tuổi khi quan hệ đầu tiên (n = 86)</b>		
Bằng và dưới 20 tuổi	-	-
Trên 20 tuổi	<b>3,38 (1,28 - 8,95)*</b>	1,17 (0,45 - 3,02)

Kết quả hồi quy đa biến cho thấy, với đánh giá kiến thức, các sinh viên năm 3, năm 4 và năm 5 (OR: 1,69 - 4,39); thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình (OR

= 1,55; 95%CI: 1,06 - 2,26) và đã từng được tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản (OR = 1,81; 95%CI: 1,23 - 2,66) có kiến thức đạt hơn về thuốc tránh thai khẩn cấp. Về đánh giá thái độ, sinh viên năm 3, năm 4 (OR: 1,71 - 2,53); thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình (OR = 1,71; 95%CI: 1,17 - 2,49) và đã từng được tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản (OR = 1,55; 95%CI: 1,08 - 2,23) có thái độ tích cực hơn. Với nhóm đã từng quan hệ tình dục, nhóm sinh viên có độ tuổi khi quan hệ đầu tiên trên 20 tuổi có kiến thức (OR = 3,38; 95%CI: 1,28 - 8,95) đạt hơn so với nhóm quan hệ từ 20 tuổi trở xuống (Bảng 3).

#### IV. BÀN LUẬN

Trong 587 nữ sinh trong nghiên cứu, tỉ lệ biết đến thuốc tránh thai khẩn cấp là 86,0%; trong đó tỉ lệ có kiến thức đạt còn thấp. Kiến thức về thời điểm sử dụng đúng của thuốc tránh thai khẩn cấp thấp hơn so với nghiên cứu trên sinh viên tại Cameroon.<sup>13</sup> Trong nghiên cứu chúng tôi, tỉ lệ có kiến thức đạt về tác dụng phụ của Thuốc tránh thai khẩn cấp thấp hơn nghiên cứu đánh giá kiến thức sinh viên tại trường cao đẳng Y tại Pune, Ấn Độ.<sup>9</sup> Phần lớn đối tượng được hỏi vẫn đánh giá được rằng thường xuyên thuốc tránh thai khẩn cấp có thể gây ra tác hại lâu dài đối với sức khỏe, tương tự các nghiên cứu khác,<sup>9</sup> mặc dù tỉ lệ này vẫn thấp. Trong nghiên cứu, có tới 39,1% vẫn lầm tưởng cho rằng thuốc tránh thai khẩn cấp là hình thức phá thai sớm, cao hơn kết quả tại trường đại học Ghana (25,8%),<sup>14</sup> thấp hơn tại trường đại học Buea, Cameroon năm 2007 (51,2%).<sup>12</sup> Về đánh giá kiến thức chung, kết quả thấp hơn nghiên cứu trên sinh viên tại trường Wachamo, Ethiopia.<sup>8</sup>

Một số nghiên cứu cho thấy việc hiểu sai hoặc thiếu hiểu biết về thuốc tránh thai khẩn cấp dẫn đến những hậu quả không tốt do lây truyền các bệnh qua đường tình dục và đặc

biệt là các tác hại lâu dài.<sup>15</sup> Chỉ có khoảng một nửa tin vào tính an toàn và hiệu quả của thuốc tránh thai khẩn cấp nếu sử dụng đúng. Phần lớn các đối tượng còn ngại khi mua thuốc tránh thai khẩn cấp, cũng như không có ý định sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp nếu gặp QHTD không an toàn. Điều này dễ dẫn đến chính các nữ sinh trở thành nạn nhân của mang thai/phá thai ngoài ý muốn và lúng túng khi xử lý trong thực tế. Hầu hết các đối tượng đều cho rằng thuốc tránh thai khẩn cấp cần sử dụng kèm thêm cũng như không thể thay thế được các biện pháp tránh thai khác; tương đồng với kết quả của các nghiên cứu quốc tế trước đó.<sup>9,12,14</sup> Có thể thấy, kiến thức của nữ sinh về thuốc tránh thai khẩn cấp chưa đạt cũng như còn suy nghĩ mặc cảm về phương pháp này, khi hơn 50% cho rằng thuốc tránh thai khẩn cấp chỉ dành cho người mua/bán dâm và người không chung thủy.

Phân tích đa biến cho thấy kiến thức và thái độ của sinh viên ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Yếu tố năm học thấy rõ ràng nhất trong nhiều nghiên cứu.<sup>9,13,14</sup> Việc chia sẻ vấn đề với gia đình cũng như tham gia các khóa học Sức khỏe sinh sản giúp nữ sinh có thái độ, kiến thức đạt hơn, điều này các nghiên cứu khác chưa chỉ ra. Hay như nữ sinh viên đã/đang có người yêu sẽ tìm hiểu vấn đề này hơn nhóm chưa có. Nghiên cứu cho thấy có 17% nữ sinh có QHTD, trong khi nhóm này có kiến thức, thái độ thấp hơn so với nhóm chưa QHTD, điều đó tăng nguy cơ như mang thai ngoài ý muốn ở sinh viên. Trong nhóm từng QHTD, nữ sinh quan hệ lần đầu sau 20 tuổi có kiến thức, thái độ tích cực hơn nhóm quan hệ sớm. Từ đó cần có thêm các chương trình giáo dục truyền thông sức khỏe sinh sản về thuốc tránh thai khẩn cấp cho nữ sinh trường đại học.

#### V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu thực hiện trên 587 nữ sinh của



2 Trường Đại học Ngoại Ngữ - ĐHQGHN và Đại học Y Hà Nội, 505 (86,0%) sinh viên biết về thuốc tránh thai khẩn cấp. Chỉ có 165 (42,0%) sinh viên có kiến thức đạt và 212 (32,7%) sinh viên có thái độ tích cực về thuốc tránh thai khẩn cấp. Kết quả hồi quy đa biến cho thấy, với đánh giá kiến thức, các sinh viên năm 3, năm 4 và năm 5; thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình và đã từng được tham gia khóa học về Sức khỏe sinh sản có kiến thức đạt hơn về thuốc tránh thai khẩn cấp ( $p < 0,05$ ). Về đánh giá thái độ, sinh viên năm 3, năm 4; thường xuyên chia sẻ các vấn đề tình cảm và học tập với gia đình và đã từng được tham gia khóa học về sức khỏe sinh sản có thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp tích cực hơn. Với nhóm đã từng quan hệ tình dục, nhóm sinh viên có độ tuổi khi quan hệ đầu tiên trên 20 tuổi có kiến thức đạt hơn so với nhóm quan hệ từ 20 tuổi trở xuống. Kiến thức và thái độ về thuốc tránh thai khẩn cấp ở sinh viên ở mức đáng báo động. Cần có thêm các chương trình giáo dục truyền thông sức khỏe sinh sản về thuốc tránh thai khẩn cấp cho nữ sinh trường đại học.

### Lời cảm ơn

Để hoàn thành nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến:

Phòng Công tác học sinh - sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội và Phòng Chính trị và Công tác học sinh - sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; các giảng viên chủ nhiệm; các bạn sinh viên đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thu thập số liệu.

Hội đồng Giám khảo - Hội nghị Khoa học và Công nghệ Tuổi trẻ năm 2019 - Trường Đại học Y Hà Nội đã góp ý, chỉ bảo để chúng tôi hoàn thiện nghiên cứu này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Singh S. Adolescent childbearing in developing countries: a global review. *Stud Fam Plann.* 1998;29(2):117 - 136. doi:10.2307/172154
2. Guttmacher Institute. Facts on sexual and reproductive health of adolescent women in the developing world. [https://www.guttmacher.org/sites/default/files/pdfs/pubs/FB\\_Adolescents\\_SRH.pdf](https://www.guttmacher.org/sites/default/files/pdfs/pubs/FB_Adolescents_SRH.pdf). Published April 2010. Accessed October 17, 2019.
3. WHO. Reproductive Health Strategy to Accelerate Progress towards the Attainment of International Development Goals and Targets. Geneva: WHO; 2014. [https://www.who.int/reproductivehealth/publications/general/RHR\\_04\\_8/en/](https://www.who.int/reproductivehealth/publications/general/RHR_04_8/en/). Accessed October 17, 2019.
4. Sedgh G, Henshaw S, Singh S, Ahman E, Shah IH. Induced abortion: estimated rates and trends worldwide. *Lancet.* 2007;370(9595):1338 - 1345. doi:10.1016/S0140-6736(07)61575-X
5. Kennedy E, Gray N, Azzopardi P, Creati M. Adolescent fertility and family planning in East Asia and the Pacific: a review of DHS reports. *Reprod Health.* 2011;8(11). doi:10.1186/1742-4755-8-11
6. Nguyen TB. Abortion in present day vietnam. *Int J Acad Res Bus Soc Sci.* 2012;2(1). <http://www.hrmars.com/admin/pics/442.pdf>.
7. Ngo TD, Keogh S, Nguyen TH, Le HT, Pham KH, Nguyen YB. Risk factors for repeat abortion and implications for addressing unintended pregnancy in Vietnam. *Int J Gynaecol Obstet.* 2014;125(3):241 - 246. doi:10.1016/j.ijgo.2013.11.014
8. Hailemariam TG, Tesfaye T, Melese T, et al. Sexual experiences and emergency contraceptive use among female university students: a cross-sectional study at Wachamo University, Ethiopia. *BMC Res Notes.*

2015;8(112). doi:10.1186/s13104 - 015 - 1070 - 7

9. Giri PA, Bangal V, Phalke DB. Knowledge and Attitude of Medical Undergraduate, Interns and Postgraduate Students in India Towards Emergency Contraception. *N Am J Med Sci.* 2013;5(1):37 - 40. doi:10.4103/1947 - 2714.106193

10. Asut O, Ozenli O, Gur G, et al. The knowledge and perceptions of the first year medical students of an International University on family planning and emergency contraception in Nicosia (TRNC). *BMC Womens Health.* 2018;18(1):149. doi:10.1186/s12905 - 018 - 0641 - x

11. Nguyễn Thanh Phong, Phạm Huy Hiền Đào, Phạm Huy Tuấn Kiệt. Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về viên thuốc tránh thai của sinh viên thành phố Hà Nội. *Tạp Chí Học Việt Nam.* 2016;438(2):19 - 24.

12. Kongnyuy EJ, Ngassa P, Fomulu N, Wiysonge CS, Kouam L, Doh AS. A survey of

knowledge, attitudes and practice of emergency contraception among university students in Cameroon. *BMC Emerg Med.* 2007;7(7). doi:10.1186/1471 - 227X - 7 - 7

13. Kgosiemang B, Blitz J. Emergency contraceptive knowledge, attitudes and practices among female students at the University of Botswana: A descriptive survey. *Afr J Prim Health Care Fam Med.* 2018;10(1). doi:10.4102/phcfm.v10i1.1674

14. Baiden F, Awini E, Clerk C. Perception of university students in Ghana about emergency contraception. *Contraception.* 2002;66(1):23 - 6. doi:10.1016/s0010 - 7824(02)00315 - 3

15. ICEC, FIGO. Emergency Contraceptive Pills: Medical and Service Delivery Guidelines 3rd Ed. New York: *ICEC*; 2012. <https://www.cecinfo.org/icec - publications/emergency - contraceptive - pills - medical - service - delivery - guidelines - third - edition/>. Accessed October 23, 2019.

## Summary

# KNOWLEDGE AND ATTITUDES ABOUT EMERGENCY CONTRACEPTIVE PILL AMONG FEMALE STUDENTS IN HA NOI, 2019

This study is to explore the knowledge and attitudes about emergency contraceptive pill (ECP) of female students at Hanoi Medical University and University of Languages and International Studies in 2019. A cross-sectional study was conducted on 587 female students. 505 (86.0%) students knew about emergency contraceptive pills. Only 165 (32.7%) had good knowledge and 212 (42.0%) had good attitude about ECP. Multivariate regression results show that, with knowledge assessment, 3rd, 4th, and 5th year students who regularly share emotional and academic issues with the family and have been attending reproductive health courses had a better knowledge of ECP ( $p < 0.05$ ). Attitude assessment of 3rd, 4th, and 5th year students who regularly share emotional and academic issues with the family and have attended the reproductive health course had a better attitude of the information security center. Knowledge and attitudes about ECP among students are alarming. More reproductive health education programs for sexually transmitted diseases and ECP are needed for university female students.

**Keywords:** knowledge, attitude, emergency contraceptive pill, female student.